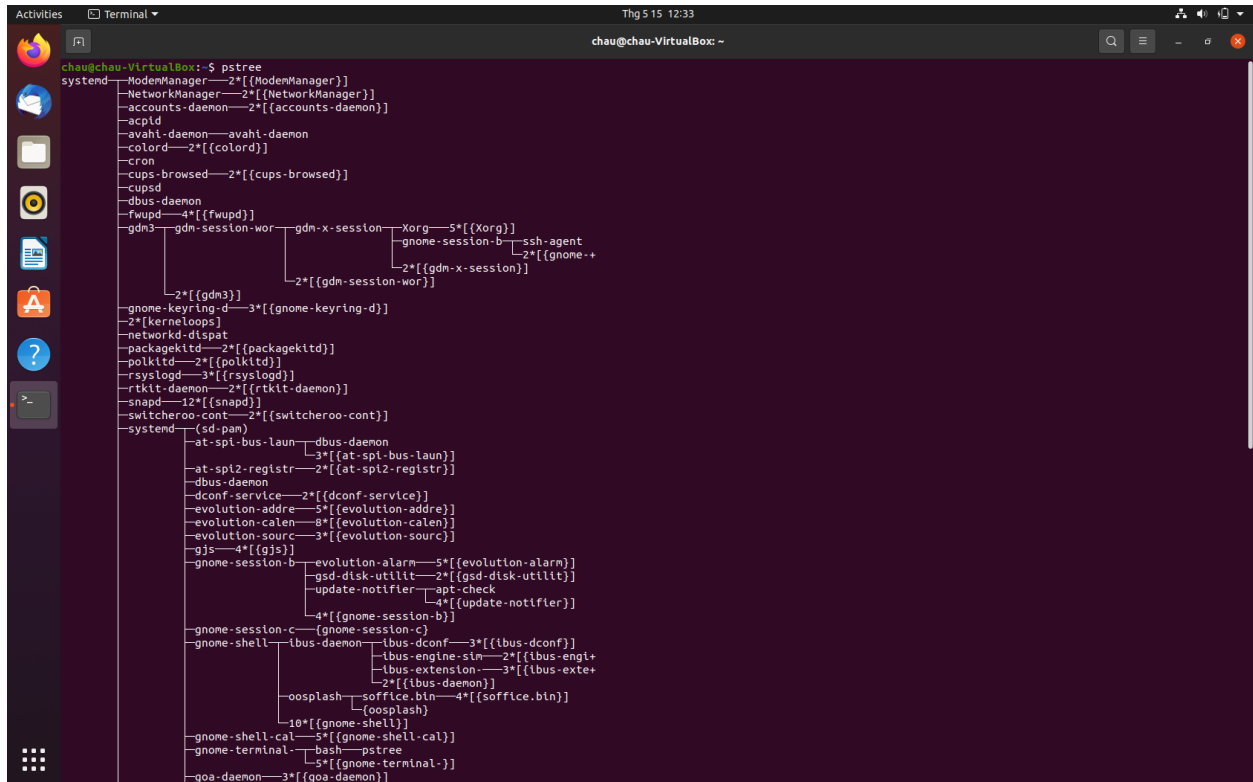


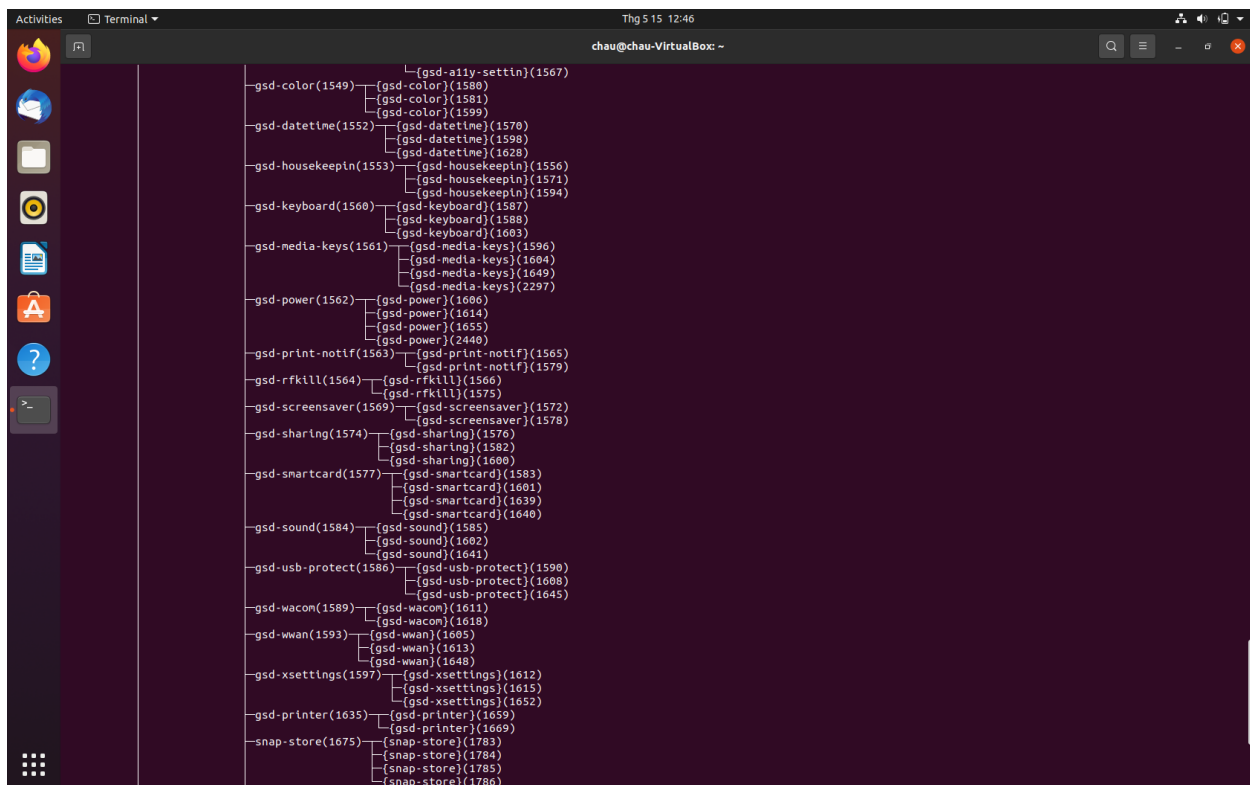
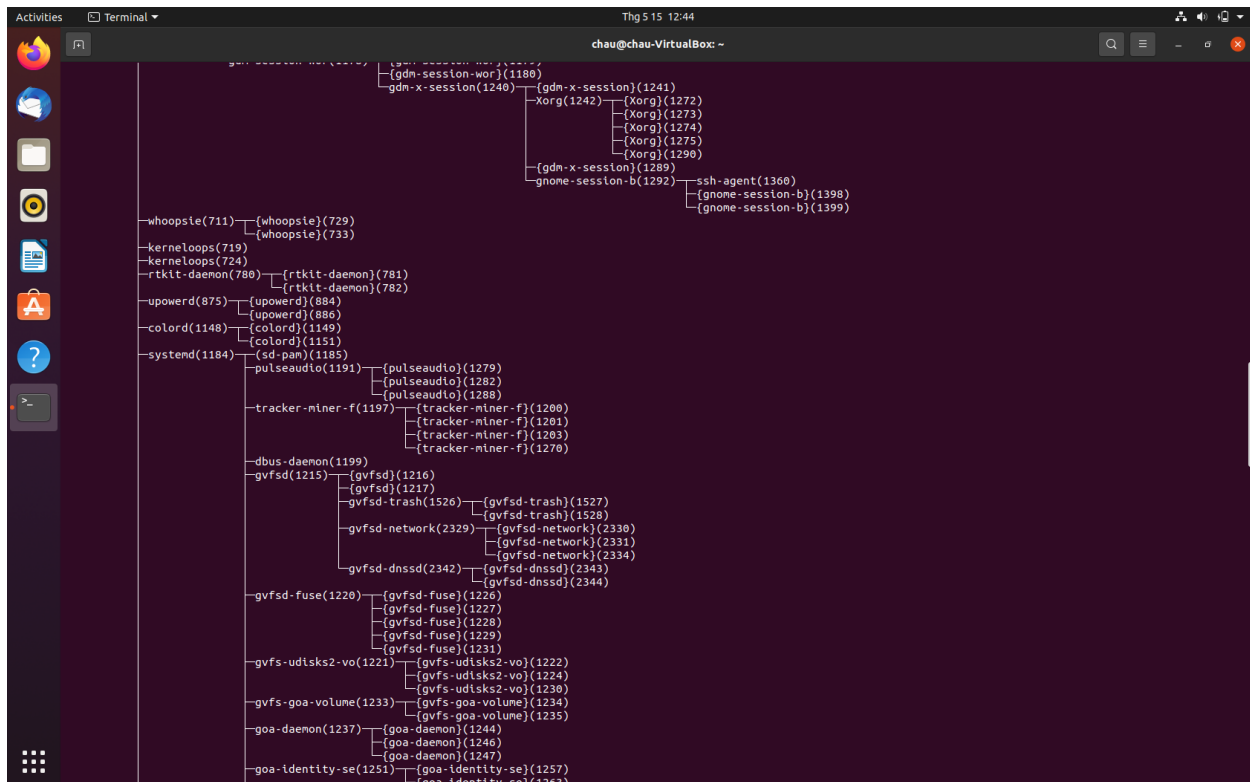
- Pstree là lệnh được dùng để hiển thị các tiến trình đang chạy trong Linux. Khi chạy lệnh Pstree, các tiến trình được tổ chức thành kiểu sắp xếp dạng cây thay vì danh sách. Cây này sẽ thể hiện các tiến trình trong mối quan hệ cha-con. Tiến trình cha (trong hình dưới đây chính là system) là tiến trình tạo ra tất cả các tiến trình con bên dưới.

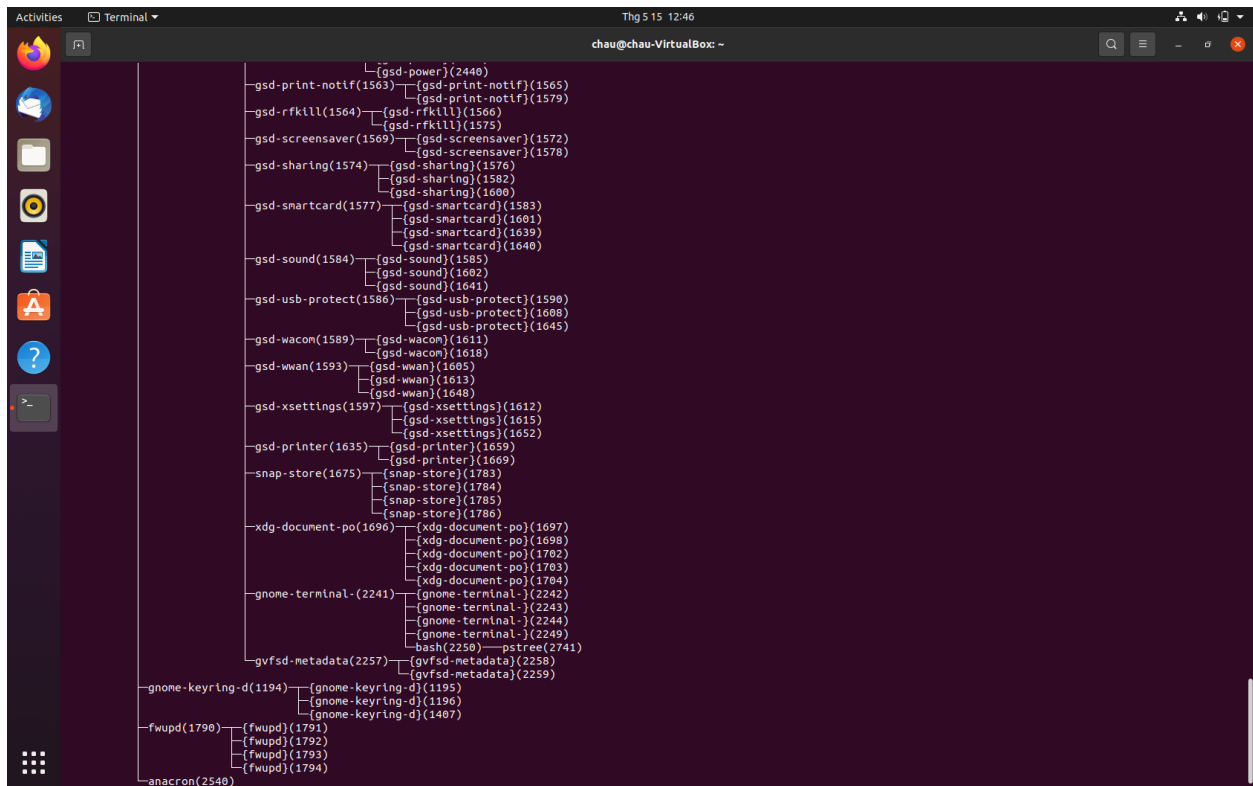
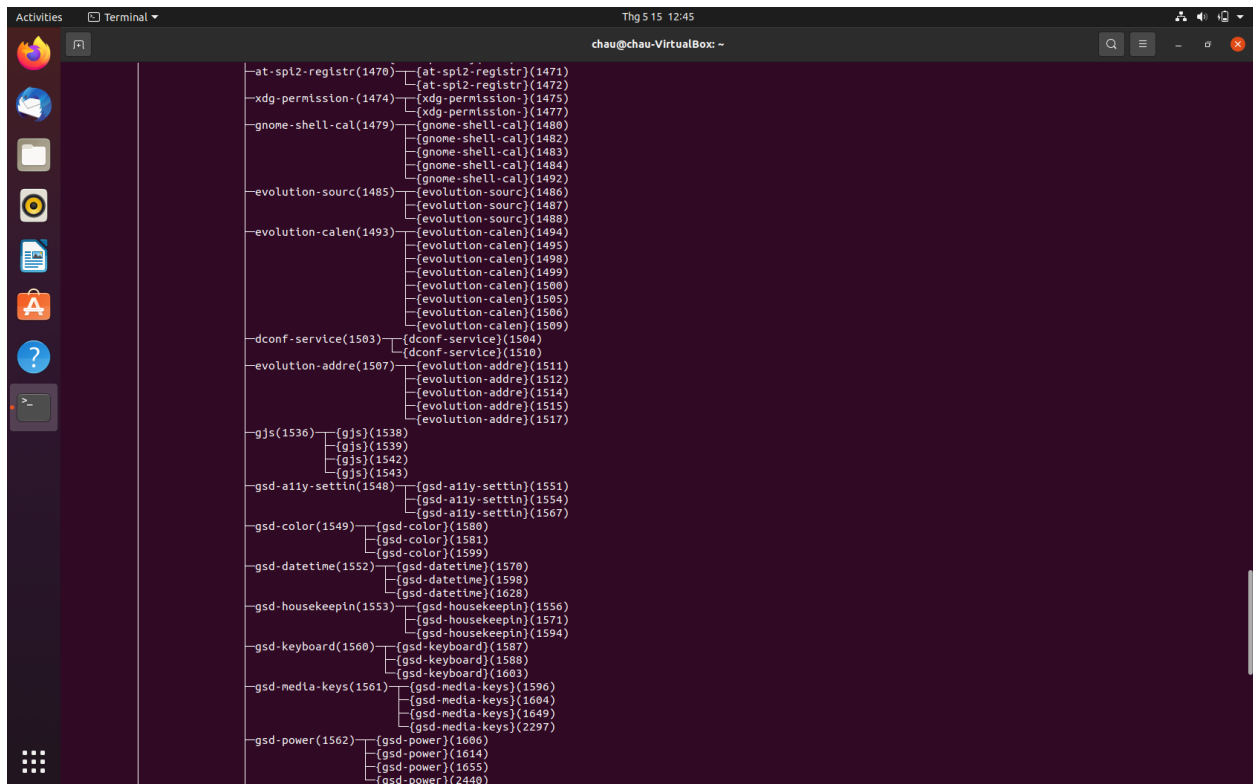


```
Activities Terminal Thg 5 15 12:33 chau@chau-VirtualBox: -
oosplash--2*[{ibus-daemon}]
--soffice.bin--4*[{soffice.bin}]
(oosplash)
10*[{gnome-shell}]
gnome-shell-cal--5*[{gnome-shell-cal}]
gnome-terminal--bash--pstree
--5*[{gnome-terminal-}]
goa-daemon--3*[{goa-daemon}]
goa-identity-se--2*[{goa-identity-se}]
gsd-a11y-settin--3*[{gsd-a11y-settin}]
gsd-color--3*[{gsd-color}]
gsd-datetime--3*[{gsd-datetime}]
gsd-housekeepln--3*[{gsd-housekeepln}]
gsd-keyboard--3*[{gsd-keyboard}]
gsd-media-keys--4*[{gsd-media-keys}]
gsd-power--3*[{gsd-power}]
gsd-print-notif--2*[{gsd-print-notif}]
gsd-printer--2*[{gsd-printer}]
gsd-rfkill--2*[{gsd-rfkill}]
gsd-screensaver--2*[{gsd-screensaver}]
gsd-sharing--3*[{gsd-sharing}]
gsd-smartcard--4*[{gsd-smartcard}]
gsd-sound--3*[{gsd-sound}]
gsd-usb-protect--3*[{gsd-usb-protect}]
gsd-wacom--2*[{gsd-wacom}]
gsd-wwan--3*[{gsd-wwan}]
gsd-xsettings--3*[{gsd-xsettings}]
gvfs-afc-volume--3*[{gvfs-afc-volume}]
gvfs-goa-volume--2*[{gvfs-goa-volume}]
gvfs-gphoto2-vo--2*[{gvfs-gphoto2-vo}]
gvfs-ntp-volume--2*[{gvfs-ntp-volume}]
gvfs-udisks2-vo--3*[{gvfs-udisks2-vo}]
gvfsd--gvfsd-trash--2*[{gvfsd-trash}]
2*[{gvfsd}]
gvfsd-fuse--5*[{gvfsd-fuse}]
gvfsd-metadata--2*[{gvfsd-metadata}]
ibus-portal--2*[{ibus-portal}]
ibus-x11--2*[{ibus-x11}]
pulseaudio--3*[{pulseaudio}]
snap-store--4*[{snap-store}]
tracker-miner-f--4*[{tracker-miner-f}]
xdg-document-po--6*[{xdg-document-po}]
xdg-permission--2*[{xdg-permission-}]
systemd-journal
systemd-logind
systemd-resolve
systemd-timesyn--{systemd-timesyn}
systemd-udev
udisksd--4*[{udisksd}]
unattended-upgr--{unattended-upgr}
upowerd--2*[{upowerd}]
whoopsie--2*[{whoopsie}]
wpa_supplicant
chau@chau-VirtualBox: $
```

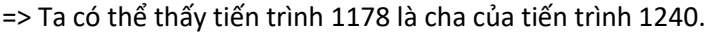
- Sử dụng Pstree với cờ -np để hiện thị tất cả tiến trình con bằng PID.

```
Activities Terminal Thg 5 15 12:44 chau@chau-VirtualBox: -
upowerd--2*[{upowerd}]
whoopsie--2*[{whoopsie}]
wpa_supplicant
chau@chau-VirtualBox: $ pstree -np
systemd(1)
--systemd-journal(219)
--systemd-udev(241)
--systemd-resolve(512)
--systemd-timesyn(530)--{systemd-timesyn}(530)
--accounts-daemon(556)--{accounts-daemon}(561)
--accounts-daemon(634)
--acpid(557)
--avahi-daemon(560)--avahi-daemon(612)
--cron(564)
--cupsd(565)
--dbus-daemon(566)
--NetworkManager(567)--{NetworkManager}(605)
--NetworkManager(635)
--networkd-dispat(582)
--polkitd(585)--{polkitd}(590)
--polkitd(638)
--rsyslogd(593)--{rsyslogd}(613)
--rsyslogd(614)
--rsyslogd(615)
--snapd(596)--{snapd}(758)
--snapd(760)
--snapd(761)
--snapd(768)
--snapd(870)
--snapd(871)
--snapd(873)
--snapd(906)
--snapd(2156)
--snapd(2157)
--snapd(2158)
--snapd(2159)
--swlitcheroo-cont(597)--{swlitcheroo-cont}(610)
--swlitcheroo-cont(637)
--systemd-logind(602)
--udisksd(603)--{udisksd}(608)
--udisksd(636)
--udisksd(664)
--udisksd(687)
--wpa_supplicant(604)
--cups-browsed(639)--{cups-browsed}(666)
--cups-browsed(667)
--ModemManager(653)--{ModemManager}(669)
--ModemManager(673)
--unattended-upgr(670)--{unattended-upgr}(699)
--gdm3(678)--{gdm3}(679)
--gdm3(680)
--gdm-session-wor(1178)--{gdm-session-wor}(1179)
--gdm-session-wor(1180)
--gdm-x-session(1240)--{gdm-x-session}(1241)
--Xorg(1242)--{Xorg}(1272)
```





- Tìm tiến trình cha dựa trên pid của tiến trình con.



=> Ta có thể thấy tiến trình 1178 là cha của tiến trình 1240.